TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 4 - 9 - 2019
V/v tranh chấp:"Chia tài sản chung sau Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quang Chính

- Bà Bá Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp: "Chia tài sản chung sau Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX-ST, ngày .18-8-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố x, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: bà Trần Thị D, sinh năm: 1956 (vắng mặt, yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố x, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

Ông Ngô Minh S, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: khu phố y, phường P, T.P P, Ninh Thuận; theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn H trình bày: Tôi với bà Trần Thị D là vợ chồng được Tòa án nhân dân Thành phố Phan

Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận xử cho ly hôn vào ngày 26-2-2019; nhưng do tài sản của chúng tôi có được thuộc địa phận huyện Ninh Phước nên chúng tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước giải quyết chia tài sản chung của chúng tôi sau khi ly hôn.

Tài sản chung của chúng tôi có được chưa chia gồm những tài sản sau: thửa đất số 25, tờ bản đồ số 6a, diện tích 928m^2; bản đồ địa chính xã An Hải (có CNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn H); thửa số 03, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2; bản đồ địa chính xã An Hải (có CNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn H); thửa số 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2, bản đồ địa chính xã An Hải (có CNQSDĐ đứng tên Trần Thị D); trên đất không có trồng cây lâu năm và cũng không có tài sản cố định trên đất.

Toàn bộ diện tích đất trên do vợ chồng sang nhượng từ những chủ đất khác có được.

Tôi yêu cầu Tòa án công nhận cho tôi (H) được quyền sử dụng và sở hữu 2 thửa đất đứng tên tôi là thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2; thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2 và tôi yêu cầu Tòa án giao cho bà D 01 thửa đất thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2 hiện bà D là người trực tiếp quản lý canh tác.

Còn nếu bà D không đồng ý yêu cầu Tòa án chia phần đất bà D đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm 2 tôi một nữa, bà D một nữa và đất của tôi đang quản lý canh tác hiện tôi đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chia làm 2 bà D một nữa đất, tôi một nữa đất.

Bà Trần Thị D trình bày: Tôi với ông Nguyễn Văn H được Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xử cho ly hôn vào ngày 26/2/2019 về tài sản ông H quản lý tự chi tiêu cá nhân hết Tòa án Phan Rang - Tháp Chàm chỉ xét xử về hôn nhân không giải quyết về tài sản.

Hiện nay tài sản chung hiện còn 3 thửa đất; 2 thửa do ông H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2; thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2 và ông H là người trực tiếp quản lý canh tác 2 thửa đất trên, còn 01 thửa đất thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2 do tôi đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tôi là người trực tiếp canh tác, nếu xét về diện tích đất đang quản lý canh tác thì phần ông H quản lý sử dụng nhiều hơn tôi và tôi cũng đồng ý với ông H diện tích người nào đang đứng tên thì người đó được quyền sử dụng. Nhưng ngày nay ông H lại tranh chấp với tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia đất thì tôi không đồng ý.

Nếu sau này Tòa án án xem xét phần đất ông H quản lý nhiều hơn tôi thì tôi cũng không yêu cầu Tòa án buộc ông H phải giao trả thêm đất cho tôi hay bù chênh lệch tài sản cho tôi.

Tôi yêu cầu Tòa án công nhận cho ông H được quyền sử dụng và sở hữu 2 thửa đất đứng tên ông do ông quản lý từ lâu nay và tôi cũng yêu cầu Tòa án công nhận cho tôi được quyền sử dụng và sở hữu 1 thủa đất như tôi đã nêu trên.

Tôi yêu cầu Tòa án xem xét lời trình bày của tôi để giải quyết và tôi yêu cầu Tòa án cho tôi vắng mặt vào ngày định giá tài sản; ngày hòa giải và ngày xét xử tại Tòa án; vì tôi không muốn gặp mặt ông H.

Người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đồng ý với lời trình bày của ông H có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu Tòa án công nhận cho ông H được quyền sử

dụng và sở hữu 2 thửa đất đứng tên ông là thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2; thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2 và tôi yêu cầu Tòa án giao cho bà D 01 thửa đất thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2 hiện bà D là người trực tiếp quản lý canh tác.

Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử nhận ý kiến thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về tài sản chung: chia cho ông H được quyền sử dụng 2 thửa đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2; thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2; bà D được quyền sử dụng 1 thửa đất thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Chia tài sản chung sau ly hôn"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về tố tụng: Tòa án tống đạt các thông báo theo thủ tục tố tụng, bị đơn có yêu cầu vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đưa ra xét xử theo luật định.

[4] Xét về tài sản chung chưa chia: ông H, bà D thừa nhận tài sản chung của ông, bà chưa chia gồm 3 thửa đất, hiện ông H đang quản lý, sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 thửa thuộc thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2 và thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2; bà D đang quản lý sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1 thửa thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2.

Nay ông H, bà D yêu cầu Tòa án công nhận giao cho ông H được quyền sử dụng và sở hữu 2 thửa đất đứng tên ông là thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2 và thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2 (hiện ông H là người trực tiếp quản lý canh tác); giao cho bà D được quyền sử dụng và sở hữu 1 thửa đất đứng tên bà là thửa đất thuộc thửa số 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2 (hiện bà D là người trực tiếp quản lý canh tác).

Theo biên bản định giá:

Thửa số 25, diện tích 928m^2, vị trí 1: giá 35.000đ/m^2; trị giá 32.480.000đ

Thửa số 3, diện tích 1.845m^2, vị trí 1: giá 35.000đ/m^2; trị giá 64.575.000đ

Thửa số 708, diện tích 838m^2, vị trí 1: giá 35.000đ/m^2; trị giá 29.330.000đ

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 2 thửa đất đứng tên ông là thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2 mang ký hiệu BE 835009, cấp ngày 14/10/2011 của UBND huyện Ninh Phước và thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2 mang ký hiệu

BB 648561 cấp ngày 30/6/2010 của UBND huyện Ninh Phước, (hiện ông H là người trực tiếp quản lý canh tác)

Giao cho bà D được quyền sử dụng 1 thửa đất đứng tên bà là thửa đất thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2 mang ký hiệu CĐ 152724 cấp ngày 30/5/2016 của UBND huyện Ninh Phước (hiện bà D là người trực tiếp quản lý canh tác).

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thì bà D phải chịu 1.466.500đ, ông H phải chịu 4.852.750đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng hiện nay ông Nguyễn Văn H đã 64; bà Trần Thị D đã 63 tuổi là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội và án phí, lệ phí tòa án thì ông H, bà D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 2.550.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0019105, ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông với bà Trần Thị D.

Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 2 thửa đất gồm: thửa số 25, tờ bản đồ 6a, diện tích 928m^2 mang ký hiệu BE 835009, cấp ngày 14/10/2011 của UBND huyện Ninh Phước và thửa số 3, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.845m^2 mang ký hiệu BB 648561 cấp ngày 30/6/2010 của UBND huyện Ninh Phước, (hiện ông H là người trực tiếp quản lý canh tác 2 thửa đất trên).

Giao cho bà Trần Thị D được quyền sử dụng 1 thửa đất đứng tên bà thuộc thửa 708, tờ bản đồ số 5, diện tích 838m^2 mang ký hiệu CĐ 152724 cấp ngày 30/5/2016 của UBND huyện Ninh Phước (hiện bà D là người trực tiếp quản lý canh tác).

Về án phí**:** Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị D.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 2.550.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0019105, ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

"….Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất hợp pháp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- THADS huyện Ninh Phước;
- UBND xã An Hải (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sửu